

Số: /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày tháng năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
**BAN HÀNH QUY CHẾ TỔ CHỨC TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC XÃ,
PHƯỜNG, THỊ TRẤN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Nghị định số 112/2011/NĐ-CP ngày 05 tháng 12 năm 2011 của Chính phủ về công chức xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Thông tư số 06/2012/TT-BNV ngày 30 tháng 10 năm 2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về chức trách, tiêu chuẩn cụ thể, nhiệm vụ và tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Thông tư số 13/2018/TT-BNV ngày 19 tháng 10 năm 2018 của Bộ Nội vụ sửa đổi khoản 8 mục III Thông tư số 79/2005/TT-BNV ngày 10 tháng 8 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn chuyển xếp lương đối với cán bộ, công chức, viên chức khi thay đổi công việc và các trường hợp được chuyển công tác từ lực lượng vũ trang, cơ yếu và công ty nhà nước vào làm việc trong các cơ quan nhà nước và các đơn vị sự nghiệp của Nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số /TTr-SNV ngày tháng năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức tuyển dụng công chức phường, xã, thị trấn trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Bộ Nội vụ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp, Trung tâm Công báo;
- Chánh, Phó CVP UBND tỉnh;
- Lưu VT, KGVX.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Đinh Quốc Thái

QUY CHẾ

Tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

*(Ban hành kèm theo Quyết định số/2019/QĐ-UBND ngày/....năm 2019
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc tổ chức tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn (sau đây viết tắt là công chức cấp xã) trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với công chức cấp xã quy định tại khoản 3 Điều 61 Luật Cán bộ, công chức, gồm 07 chức danh sau:

1. Trưởng Công an xã;
2. Chỉ huy trưởng Quân sự;
3. Văn phòng - Thống kê;
4. Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường (đối với phường, thị trấn) hoặc Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và Môi trường (đối với xã);
5. Tài chính - Kế toán;
6. Tư pháp - Hộ tịch;
7. Văn hóa - Xã hội.

Điều 3. Nguyên tắc và căn cứ tuyển dụng

1. Việc tuyển dụng công chức cấp xã phải căn cứ vào yêu cầu nhiệm Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi tắt là cấp huyện) để phê duyệt và xây dựng kế hoạch tổ chức tuyển dụng theo quy định.

3. Kế hoạch tuyển dụng công chức cấp xã phải nêu rõ điều kiện, tiêu chuẩn, số lượng, chức danh công chức cấp xã cần tuyển dụng, điều kiện đăng ký dự tuyển theo từng chức danh công chức cấp xã.

4. Việc tuyển dụng công chức cấp xã phải đảm bảo tuyển chọn người có đức, có tài đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, phù hợp với trình độ chuyên môn nghiệp vụ đã được đào tạo và phù hợp với vị trí việc làm.

Điều 4. Tiêu chuẩn chung, điều kiện đăng ký dự tuyển và ưu tiên trong tuyển dụng công chức cấp xã

Tiêu chuẩn chung, điều kiện dự tuyển và ưu tiên trong tuyển dụng công chức cấp xã được thực hiện theo quy định tại Điều 36 Luật Cán bộ, công chức; Điều 3, Điều 6 và Điều 8 Nghị định số 112/2011/NĐ-CP ngày 30/10/2012 của Chính phủ về công chức xã, phường, thị trấn (sau đây gọi tắt là Nghị định số 112/2011/NĐ-CP) và Điều 10 Thông tư số 06/2012/TT-BNV ngày 30/10/2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về chức trách, tiêu chuẩn cụ thể, nhiệm vụ và tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn (sau đây gọi tắt là Thông tư số 06/2012/TT-BNV của Bộ Nội vụ).

1. Tiêu chuẩn chung đối với các chức danh công chức Văn phòng - Thống kê, Tư pháp - Hộ tịch, Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường hoặc Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và Môi trường, Tài chính - Kế toán, Văn hóa - Xã hội:

a) Hiểu biết về lý luận chính trị, nắm vững quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước;

b) Có năng lực tổ chức vận động nhân dân ở địa phương thực hiện có hiệu quả chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước;

c) Trình độ văn hóa 12/12;

d) Trình độ chuyên môn từ trung cấp trở lên (ưu tiên tuyển dụng đối với người có trình độ đại học và sau đại học), phù hợp yêu cầu nhiệm vụ, vị trí việc làm, có đủ năng lực và sức khỏe để hoàn thành nhiệm vụ được giao;

e) Trình độ tin học: Có chứng chỉ tin học văn phòng trình độ A trở lên;

f) Am hiểu và tôn trọng phong tục, tập quán của cộng đồng dân cư trên địa bàn công tác.

2. Đối với chức danh công chức Chỉ huy trưởng Quân sự cấp xã và Trưởng Công an xã: Ngoài những tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều này còn phải có khả năng phối hợp với các đơn vị Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và lực lượng khác trên địa bàn tham gia xây dựng nền quốc phòng toàn dân và thực hiện một số nhiệm vụ phòng thủ dân sự; giữ gìn an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ Đảng, chính quyền, bảo vệ tính mạng, tài sản của nhân dân, tài sản của Nhà nước.

3. Người có đủ các điều kiện sau đây không phân biệt dân tộc, nam, nữ, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo được đăng ký dự tuyển công chức cấp xã:

a) Có một quốc tịch là quốc tịch Việt Nam;

b) Đủ 18 tuổi trở lên;

c) Có đơn dự tuyển; có lý lịch rõ ràng;

d) Có văn bằng, chứng chỉ phù hợp;

đ) Có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt;

e) Đủ sức khỏe để thực hiện nhiệm vụ;

g) Các điều kiện khác được thực hiện theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 06/2012/TT-BNV của Bộ Nội vụ.

4. Những người sau đây không được đăng ký dự tuyển công chức:

a) Không cư trú tại Việt Nam;

b) Mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;

c) Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đang chấp hành hoặc đã chấp hành xong bản án, quyết định của Tòa án mà chưa được xóa án tích; đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh, cơ sở giáo dục bắt buộc.

d) Những người thuộc đối tượng không được làm kế toán theo quy định tại Điều 52 Luật Kế toán năm 2015 không được đăng ký dự thi chức danh công chức Tài chính - Kế toán cấp xã.

5. Đối tượng và điểm ưu tiên trong thi tuyển hoặc xét tuyển công chức cấp xã

a) Anh hùng lực lượng vũ trang, Anh hùng lao động, thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B: được cộng 7,5 điểm vào kết quả điểm thi tại vòng 2;

b) Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp, người làm công tác cơ yếu chuyên ngành, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động: được cộng 5 điểm vào kết quả điểm thi tại vòng 2;

c) Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ phục vụ có thời hạn trong lực lượng công an nhân dân, đội viên thanh niên xung phong, đội viên trí thức trẻ tình nguyện tham gia phát triển nông thôn, miền núi, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã từ đủ 24 tháng trở lên đã hoàn thành nhiệm vụ: được cộng 2,5 điểm vào kết quả điểm thi tại vòng 2.

6. Trường hợp người dự thi tuyển hoặc dự xét tuyển công chức cấp xã thuộc nhiều diện ưu tiên quy định tại khoản 1 Điều này thì chỉ được cộng điểm ưu tiên cao nhất vào kết quả điểm thi tại vòng 2 quy định tại khoản 2 Điều 19 và điểm a khoản 3 Điều 5 Quy chế này.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ VỀ XÉT TUYỂN CÔNG CHỨC

Mục 1.

NGUYÊN TẮC, CĂN CỨ TUYỂN DỤNG, ĐIỀU KIỆN ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN, PHƯƠNG THỨC, THẨM QUYỀN

XÉT TUYỂN CÔNG CHỨC CẤP XÃ

Điều 5. Phương thức và nội dung xét tuyển công chức cấp xã

1. Đối với các xã miền núi có thể thực hiện việc tuyển dụng công chức cấp xã thông qua phương thức xét tuyển.

2. Căn cứ điều kiện đăng ký dự tuyển công chức cấp xã quy định tại Điều 4 Quy chế này và yêu cầu công việc, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, tiếp nhận công chức không qua thi tuyển đối với các trường hợp đặc biệt sau:

a) Người tốt nghiệp đại học loại giỏi trở lên ở trong nước và đạt loại khá trở lên ở nước ngoài có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với chức danh công chức cần tuyển dụng;

b) Người có trình độ đào tạo từ đại học trở lên, có ít nhất 05 năm công tác (không kể thời gian tập sự, thử việc) trong ngành, lĩnh vực cần tuyển, đáp ứng được ngay yêu cầu của chức danh công chức cấp xã cần tuyển dụng.

3. Nội dung xét tuyển

a) Đối với các chức danh Văn phòng - thống kê, Địa chính - xây dựng - Đô thị và môi trường (đối với phường, thị trấn) hoặc Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường (đối với xã), Tài chính - kế toán, Tư pháp - hộ tịch, Văn hóa - xã hội, việc xét tuyển được thực hiện theo 2 vòng như sau:

- Vòng 1:

+ Kiểm tra văn bằng, chứng chỉ, kết quả học tập, đối tượng ưu tiên của người dự tuyển theo yêu cầu của chức danh công chức đã đăng ký tại Phiếu đăng ký dự tuyển, nếu phù hợp thì người dự tuyển được tham dự vòng 2 quy định tại điểm b khoản này;

+ Chậm nhất là 05 ngày làm việc sau ngày kết thúc kiểm tra điều kiện, tiêu chuẩn của người dự tuyển tại vòng 1, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phải thông báo triệu tập người dự tuyển đủ điều kiện dự phỏng vấn vòng 2;

+ Chậm nhất là 15 ngày sau ngày thông báo triệu tập người dự tuyển được tham dự vòng 2 thì phải tổ chức thi phỏng vấn.

- Vòng 2: Phỏng vấn để kiểm tra về năng lực, trình độ chuyên môn của người dự tuyển. Điểm phỏng vấn được tính theo thang điểm 100. Thời gian phỏng vấn 30 phút. Không thực hiện việc phúc khảo đối với kết quả phỏng vấn.

b) Đối với chức danh Chỉ huy trưởng Quân sự cấp xã và Trưởng Công an xã, thực hiện xét các điều kiện đăng ký dự tuyển theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Quy chế này; đối với xã, thị trấn bố trí công an chính quy thì thực hiện theo quy định của Luật Công an nhân dân.

4. Cách tính điểm đối với trường hợp xét tuyển như sau:

a) Điểm học tập được xác định bằng trung bình cộng kết quả các môn học trong toàn bộ quá trình học tập của người dự xét tuyển yêu cầu chức danh dự tuyển, được quy đổi theo thang điểm 100 và tính hệ số 2.

b) Điểm tốt nghiệp được xác định bằng trung bình cộng kết quả các bài thi tốt nghiệp hoặc điểm bảo vệ luận văn của người dự xét tuyển, được quy đổi theo thang điểm 100 và tính hệ số 1.

c) Điểm phỏng vấn được tính theo thang điểm 100 và tính hệ số 1.

d) Kết quả xét tuyển là tổng số điểm của điểm học tập, điểm tốt nghiệp, điểm phỏng vấn tính và điểm ưu tiên theo quy định tại khoản 5 Điều 4 Quy chế này.

e) Trường hợp người dự xét tuyển có trình độ đào tạo cao hơn so với yêu cầu của chức danh công chức cần tuyển dụng, Hội đồng xét tuyển căn cứ kết quả học tập trong hồ sơ của người dự tuyển và điểm phỏng vấn để tính điểm theo quy định tại điểm a, b, c khoản này.

5. Xác định người trúng tuyển

a) Người trúng tuyển trong kỳ xét tuyển các chức danh công chức cấp xã quy định tại khoản 4 Điều 5 Quy chế này phải có đủ các điều kiện sau đây:

- Có kết quả điểm phỏng vấn tại vòng 2 về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của người dự tuyển đạt từ 50 điểm trở lên; đối với các trường hợp đào tạo theo tính chỉ được quy đổi theo quy định tại Thông tư số 43/2007/TT-BGDĐT ngày 15/8/2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Có số điểm vòng 2 cộng với điểm ưu tiên quy định tại khoản 5 Điều 4 Quy chế này (nếu có) cao hơn lấy theo thứ tự từ cao xuống thấp trong phạm vi chỉ tiêu được tuyển dụng của từng chức danh công chức.

b) Trường hợp có từ 02 người trở lên có kết quả điểm phỏng vấn về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của người dự tuyển cộng với điểm ưu tiên quy định tại khoản 5 Điều 4 Quy chế này (nếu có) bằng nhau ở chỉ tiêu cuối cùng cần tuyển dụng thì người có kết quả điểm phỏng vấn vòng 2 quy định về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cao hơn là người trúng tuyển; nếu vẫn không xác định được thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định người trúng tuyển và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

- Người trúng tuyển trong kỳ xét tuyển chức danh Chỉ huy trưởng Quân sự cấp xã, Trưởng Công an xã là người đạt các điều kiện đăng ký dự tuyển quy định tại Điều 2, Điều 4 Quy chế này và theo đề nghị của Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy Quân sự cấp huyện (nếu tuyển Chỉ huy trưởng Quân sự cấp xã) hoặc Trưởng Công an cấp huyện (nếu tuyển Trưởng Công an xã).

- Người không trúng tuyển trong kỳ xét tuyển công chức không được bảo lưu kết quả xét tuyển cho các kỳ xét tuyển lần sau.

6. Đối với chức danh Chỉ huy trưởng Quân sự cấp xã và Trưởng Công an xã, thị trấn hiện theo quy định của Luật Dân quân tự vệ và Pháp lệnh Công an xã.

Điều 6. Thẩm quyền và hội đồng xét tuyển công chức cấp xã

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức xét tuyển công chức cấp xã.

2. Căn cứ số lượng người cần tuyển, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thành lập Hội đồng xét tuyển theo kế hoạch tuyển dụng công chức cấp xã hàng năm của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

3. Hội đồng xét tuyển thực hiện nhiệm vụ trong mỗi lần xét tuyển và tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ. Không được bố trí thành viên Hội đồng xét tuyển là người có quan hệ gia đình như cha, mẹ, anh, chị, em ruột (hoặc bên vợ, bên chồng) của người dự tuyển.

4. Thời gian thành lập Hội đồng xét tuyển: Khi hết hạn nhận hồ sơ của người đăng ký dự tuyển, chậm nhất 10 ngày trước ngày tổ chức xét tuyển, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thành lập Hội đồng xét tuyển để tổ chức tuyển dụng.

5. Trường hợp số lượng người đăng ký xét tuyển dưới 20 người thì không phải thành lập Hội đồng xét tuyển; Phòng Nội vụ cấp huyện báo cáo Sở Nội vụ, sau khi có ý kiến thống nhất của Sở Nội vụ, Phòng Nội vụ giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện việc xét tuyển công chức cấp xã và vẫn phải thành lập các Ban giúp việc theo quy định tại khoản 7 Điều này.

6. Hội đồng xét tuyển có từ 05 đến 07 thành viên, bao gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện;

b) Phó Chủ tịch Hội đồng là 01 lãnh đạo Phòng Nội vụ;

c) Ủy viên kiêm thư ký Hội đồng là công chức thuộc Phòng Nội vụ;

d) Các ủy viên khác là lãnh đạo một số cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện có liên quan đến chuyên môn nghiệp vụ cần tuyển.

7. Hội đồng xét tuyển làm việc theo nguyên tắc tập thể, biểu quyết theo đa số, có nhiệm vụ, quyền hạn như sau:

a) Thành lập Ban giúp việc: Thành lập Ban kiểm tra phiếu dự tuyển; Ban kiểm tra sát hạch để thực hiện phỏng vấn tại vòng 2.

b) Tổ chức thu và sử dụng phí dự tuyển theo quy định;

c) Tổ chức thi; chấm thi viết hoặc phỏng vấn; kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển khi xét tuyển;

d) Chậm nhất là 10 ngày sau ngày tổ chức chấm thi xong, kể cả phỏng vấn (nếu có), Hội đồng tuyển dụng phải báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện để xem xét, quyết định phê duyệt kết quả xét tuyển;

đ) Giải quyết khiếu nại, tố cáo trong quá trình tổ chức xét tuyển.

8. Hội đồng tuyển dụng được sử dụng con dấu của Ủy ban nhân dân cấp huyện, tài khoản của Ủy ban nhân dân cấp huyện trong các hoạt động của Hội đồng.

Mục 2.

TRÌNH TỰ TỔ CHỨC XÉT TUYỂN CÔNG CHỨC CẤP XÃ

Điều 7. Điều kiện, tiêu chuẩn tiếp nhận không qua thi tuyển vào công chức cấp xã đối với trường hợp đặc biệt

1. Căn cứ điều kiện đăng ký dự tuyển công chức cấp xã quy định tại Điều 4 Quy chế này và yêu cầu công việc, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện được tuyển dụng không qua thi tuyển, xét tuyển đối với các trường hợp đặc biệt sau:

a) Người tốt nghiệp đại học đạt loại giỏi ở trong nước hoặc đạt loại khá trở lên ở nước ngoài, có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với chức danh công chức cần tuyển dụng;

b) Người có trình độ từ đại học trở lên và có ít nhất 05 năm công tác trong lĩnh vực cần tuyển dụng có chuyên ngành đào tạo phù hợp với chức danh công chức cần tuyển dụng, có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc.

2. Công chức cấp xã được bầu giữ chức vụ quy định là cán bộ cấp xã khi thôi đảm nhiệm chức vụ (không trong thời hạn bị kỷ luật) thì được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, tiếp nhận trở lại. Trường hợp không còn vị trí chức danh công chức cấp xã thì giải quyết chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp người được tuyển dụng vào công chức cấp xã theo quy định tại Nghị định này được bố trí chức danh theo đúng chuyên ngành đào tạo hoặc theo đúng chuyên môn nghiệp vụ trước đây đã đảm nhiệm thì thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc trước ngày được tuyển dụng, tiếp nhận vào công chức (nếu có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn) được tính để làm căn cứ xếp lương phù hợp với chức danh công chức được tuyển dụng.

Điều 8. Quy trình tiếp nhận vào công chức cấp xã đối với trường hợp đặc biệt

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phải thành lập Hội đồng kiểm tra, sát hạch các trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 7 Quy chế này.

Hội đồng kiểm tra, sát hạch có 05 hoặc 07 thành viên, bao gồm: Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; 01 ủy viên là lãnh đạo phòng Nội vụ, kiêm Thư ký Hội đồng; 01 ủy viên là Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi dự kiến bố trí công chức sau khi được tiếp nhận; các ủy viên khác là đại diện một số bộ phận chuyên môn, nghiệp vụ có liên quan.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng kiểm tra, sát hạch:

a) Kiểm tra về các điều kiện, tiêu chuẩn, văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh công chức cần tuyển; sát hạch về trình độ hiểu biết chung và năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của người được đề nghị tiếp nhận.

b) Hình thức và nội dung sát hạch: do Hội đồng kiểm tra, sát hạch căn cứ vào yêu cầu chức danh công chức cần tuyển, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định trước khi tổ chức sát hạch;

c) Hội đồng kiểm tra, sát hạch làm việc theo nguyên tắc tập thể, biểu quyết theo đa số và tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

3. Chủ tịch UBND cấp huyện không phải thành lập Hội đồng kiểm tra, sát hạch đối với các trường hợp sau:

a) Trường hợp có đủ các điều kiện, tiêu chuẩn quy định tại điểm b khoản 1 Điều 7 Quy chế này hiện đang công tác trong ngành, lĩnh vực cần tuyển thuộc biên chế hưởng lương trong cơ quan của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị thuộc quân đội, công an, cơ yếu và trong danh sách trả lương của đơn vị sự nghiệp công lập, của doanh nghiệp nhà nước.

b) Cán bộ cấp xã thôi đảm nhiệm chức vụ mà có đủ các tiêu chuẩn và đáp ứng được ngay các nhiệm vụ của chức danh công chức cấp xã cần tuyển dụng quy định tại khoản 3 Điều 7 Quy chế này.

4. Chủ tịch UBND cấp huyện phải có văn bản gửi Chủ tịch UBND tỉnh thông qua Sở Nội vụ đề xin ý kiến thống nhất trước khi quyết định tiếp nhận đối với trường hợp đủ điều kiện quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 7 Quy chế này (trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này).

5. Cán bộ, công chức không thuộc diện cơ quan có thẩm quyền quyết định luân chuyển, điều động, biệt phái, tiếp nhận về cấp xã theo quy định tại khoản 4 Điều 61 Luật Cán bộ, công chức năm 2008 và Điều 27 Nghị định số 112/2011/NĐ-CP và viên chức đang làm việc tại đơn vị sự nghiệp công lập, nếu có đủ các điều kiện, tiêu chuẩn sau thì UBND cấp huyện xem xét tiếp nhận vào công chức cấp xã, chịu trách nhiệm về quyết định của mình trước pháp luật và Chủ tịch UBND tỉnh.

a) Phải đảm bảo điều kiện, tiêu chuẩn cụ thể theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Quy chế này;

b) Còn chỉ tiêu biên chế công chức cấp xã cần tuyển dụng theo quy định.

Sau khi tuyển dụng, UBND cấp huyện có trách nhiệm báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh qua Sở Nội vụ (kèm theo bản sao hồ sơ của người được tiếp nhận) gửi để phục vụ công tác quản lý, thanh tra, kiểm tra theo thẩm quyền.

Mục 3.

TỔ CHỨC XÉT TUYỂN

Điều 9. Đối tượng

Đối tượng xét tuyển công chức cấp xã được thực hiện theo quy định tại Điều 7 Quy chế này.

Điều 10. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng kiểm tra, sát hạch

1. Thành lập Hội đồng kiểm tra, sát hạch được quy định tại khoản 1 Điều 8 Quy chế này.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng kiểm tra, sát hạch được quy định tại khoản 2 Điều 8 Quy chế này.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện không phải thành lập Hội đồng kiểm tra, sát hạch đối với các trường hợp được xem xét tiếp nhận vào công chức cấp xã không qua thi tuyển, bao gồm:

a) Trường hợp có đủ các điều kiện, tiêu chuẩn quy định tại khoản 3, Điều 8 Quy chế này.

b) Cán bộ cấp xã thôi đảm nhiệm chức vụ mà có đủ các tiêu chuẩn và đáp ứng được ngay các nhiệm vụ của chức danh công chức cấp xã cần tuyển dụng theo quy định.

Điều 11. Thống nhất ý kiến tiếp nhận công chức

Thực hiện theo quy định tại Điều 8 và khoản 3 Điều 27 của Quy chế này, gồm:

1. Căn cứ vào kết quả trúng tuyển sau khi tổ chức kiểm tra, sát hạch (đối với các trường hợp phải kiểm tra, sát hạch) hoặc sau khi xem xét các điều kiện, tiêu chuẩn đối với người được tiếp nhận (đối với các trường hợp không phải kiểm tra, sát hạch) quy định tại khoản 3 Điều 8 Quy chế này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phải có văn bản đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất ý kiến tiếp nhận công chức cấp xã không qua thi tuyển (trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 8 của Quy chế này).

2. Hồ sơ đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất ý kiến đối với các trường hợp tiếp nhận không qua thi tuyển thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 27 của Quy chế này.

Điều 12. Xét tuyển chức danh Chỉ huy trưởng Quân sự cấp xã, Trưởng Công an xã

1. Người trúng tuyển trong kỳ xét tuyển chức danh Chỉ huy trưởng Quân sự cấp xã, Trưởng Công an xã là người đạt các điều kiện đăng ký dự tuyển quy định tại khoản 2 Điều 4 Quy chế này và theo đề nghị của Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy Quân sự cấp huyện (nếu tuyển Chỉ huy trưởng Quân sự cấp xã) hoặc Trưởng Công an cấp huyện (nếu tuyển Trưởng Công an xã).

2. Căn cứ thông báo công nhận kết quả trúng tuyển quy định Điều 13 Quy chế này.

a) Bổ nhiệm Chỉ huy trưởng Quân sự cấp xã theo đề nghị bằng văn bản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã sau khi thống nhất với Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy Quân sự cấp huyện;

b) Bổ nhiệm Trưởng Công an xã theo đề nghị bằng văn bản của Trưởng Công an cấp huyện sau khi thống nhất với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

Điều 13. Thông báo kết quả tuyển dụng

1. Chậm nhất là 10 ngày sau ngày nhận được báo cáo kết quả vòng 2 của Hội đồng tuyển dụng hoặc Phòng Nội vụ cấp huyện trong trường hợp không thành lập Hội đồng tuyển dụng, Ủy ban nhân dân cấp huyện phải niêm yết công khai kết quả thi tuyển hoặc xét tuyển, danh sách người dự kiến trúng tuyển tại trụ sở làm việc của Ủy ban nhân dân cấp huyện và trụ sở làm việc của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi tuyển dụng và trên trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp huyện; gửi thông báo kết quả thi tuyển hoặc xét tuyển bằng văn bản tới người dự tuyển theo địa chỉ mà người dự tuyển đã đăng ký.

2. Trong thời hạn 15 ngày sau ngày niêm yết công khai kết quả vòng 2, người dự tuyển có quyền gửi đơn đề nghị phúc khảo kết quả trong trường hợp thi tuyển vòng 2 quy định tại điểm a khoản 3 Điều 5 Quy chế này bằng hình thức thi viết. Chủ tịch Hội đồng tuyển dụng có trách nhiệm tổ chức chấm phúc khảo và công bố kết quả chấm phúc khảo chậm nhất là 15 ngày sau ngày hết thời hạn nhận đơn phúc khảo theo quy định tại khoản này.

3. Sau khi thực hiện các quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, Hội đồng tuyển dụng báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt kết quả tuyển dụng và gửi thông báo công nhận kết quả trúng tuyển bằng văn bản tới người dự tuyển theo địa chỉ mà người dự tuyển đã đăng ký. Nội dung thông báo phải ghi rõ thời gian người trúng tuyển đến Ủy ban nhân dân cấp huyện nhận quyết định tuyển dụng.

4. Trường hợp người trúng tuyển không hoàn thiện đủ hồ sơ dự tuyển theo quy định hoặc có hành vi gian lận trong việc kê khai Phiếu đăng ký dự tuyển hoặc Hội đồng tuyển dụng phát hiện người trúng tuyển sử dụng văn bằng, chứng chỉ không đúng quy định thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ra quyết định hủy kết quả trúng tuyển và thông báo cho người dự tuyển, đồng thời thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng hoặc trên trang thông tin điện tử của cơ quan và không tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển trong một kỳ tuyển dụng tiếp theo.

5. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định công nhận kết quả trúng tuyển đối với người dự tuyển có kết quả tuyển dụng thấp hơn liền kề so với kết quả tuyển dụng của người trúng tuyển đã bị hủy bỏ kết quả trúng tuyển theo quy định tại khoản 4 Điều này.

Trường hợp có từ 02 người trở lên có kết quả tuyển dụng thấp hơn liền kề bằng nhau thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định người trúng

tuyển theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 5 Quy chế này (trong trường hợp tổ chức thi tuyển công chức) hoặc quy định tại điểm b khoản 5 Điều 5 Quy chế này (trong trường hợp xét tuyển công chức).

Điều 14. Thời hạn ra quyết định tuyển dụng và nhận việc

1. ~~Đối với các chức danh Văn phòng - thống kê, Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường (đối với phường, thị trấn) hoặc Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường (đối với xã), Tài chính - kế toán, Tư pháp - hộ tịch, Văn hóa - xã hội:~~ Căn cứ thông báo công nhận kết quả trúng tuyển quy định tại khoản 3 Điều 13 của Quy chế này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ra quyết định tuyển dụng công chức cấp xã.

2. Đối với chức danh Chỉ huy trưởng Quân sự cấp xã và Trưởng Công an xã: Căn cứ thông báo công nhận kết quả trúng tuyển quy định tại khoản 3 Điều 13 Quy chế này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định:

a) Bổ nhiệm Chỉ huy trưởng Quân sự cấp xã theo đề nghị bằng văn bản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã sau khi thống nhất với Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy Quân sự cấp huyện;

b) Bổ nhiệm Trưởng Công an xã theo đề nghị bằng văn bản của Trưởng Công an cấp huyện sau khi thống nhất với Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã.

3 Trong thời hạn chậm nhất là 30 ngày, kể từ ngày có quyết định tuyển dụng, người được tuyển dụng vào công chức cấp xã phải đến cơ quan nhận việc, trừ trường hợp quyết định tuyển dụng quy định thời hạn khác. Trường hợp người được tuyển dụng vào công chức có lý do chính đáng mà không thể đến nhận việc thì phải làm đơn xin gia hạn trước khi kết thúc thời hạn nêu trên, gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện. Thời gian xin gia hạn không quá 30 ngày, kể từ ngày hết thời hạn nhận việc quy định tại khoản này.

4. Trường hợp người trúng tuyển vào công chức cấp xã không đến nhận việc sau thời hạn quy định tại khoản 3 Điều này thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ra quyết định hủy bỏ quyết định tuyển dụng, đồng thời ra quyết định tuyển dụng đối với người đủ điều kiện trúng tuyển có điểm thi thấp hơn liền kề

Chương III

QUY ĐỊNH CỤ THỂ VỀ THI TUYỂN CÔNG CHỨC

Mục 1.

NGUYÊN TẮC, CĂN CỨ TUYỂN DỤNG, ĐIỀU KIỆN ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN, PHƯƠNG THỨC, THẨM QUYỀN TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC CẤP XÃ

Điều 15. Tiêu chuẩn cụ thể và ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ của từng chức danh công chức cấp xã

1. Tiêu chuẩn cụ thể:

a) Trình độ văn hóa, trình độ chuyên môn, trình độ ngoại ngữ và các nội dung khác được thực hiện theo Điều 4 Quy chế này

b) Sau khi được tuyển dụng phải hoàn thành lớp đào tạo, bồi dưỡng theo tiêu chuẩn ngạch chuyên viên nhà nước và lớp đào tạo, bồi dưỡng trung cấp lý luận chính trị.

2. Tiêu chuẩn cụ thể đối với chức danh Chỉ huy trưởng Quân sự cấp xã được thực hiện theo quy định tại Điều 17 Thông tư liên tịch số 01/2013/TTLT-BNV-BQP ngày 10/4/2013 của Bộ Nội vụ và Bộ Quốc, Chỉ huy phó Ban chỉ huy quân sự xã, phường, thị trấn. Tiêu chuẩn cụ thể đối với chức danh Trưởng Công an xã theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 73/2009/NĐ-CP ngày 07/9/2009 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Công an xã và Điều 14 Thông tư số 12/2010/TT-BCA ngày 08/4/2010 của Bộ Công an quy định cụ thể thi hành một số điều của Pháp lệnh công an xã và Nghị định số 73/2009/NĐ-CP ngày 07/9/2009 của Chính phủ.

3. Ngành đào tạo có liên quan đến nhiệm vụ chức danh công chức Văn phòng - Thống kê: Phải tốt nghiệp thuộc các nhóm ngành: Luật, hành chính, báo chí, chính sách công, văn thư - lưu trữ, thống kê, quản trị văn phòng.

4. Ngành đào tạo có liên quan đến nhiệm vụ chức danh công chức Địa chính - Xây dựng - đô thị và môi trường (đối với phường, thị trấn) hoặc Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và môi trường (đối với xã): Phải tốt nghiệp thuộc các nhóm ngành địa chính, quản lý đất đai, trắc địa, đo đạc - bản đồ, địa chất, xây dựng, quy hoạch đô thị, kiến trúc, nông - lâm nghiệp, phát triển nông thôn, công nghệ sinh học, môi trường.

5. Ngành đào tạo có liên quan đến nhiệm vụ chức danh công chức Tài chính - Kế toán: Phải tốt nghiệp thuộc các nhóm ngành: Tài chính, kế toán.

6. Ngành đào tạo có liên quan đến nhiệm vụ chức danh công chức Tư pháp - Hộ tịch: Phải tốt nghiệp thuộc các nhóm ngành luật, hành chính.

7. Ngành đào tạo có liên quan đến nhiệm vụ chức danh công chức Văn hóa - Xã hội: Phải tốt nghiệp thuộc các nhóm ngành: Luật, hành chính, các ngành thuộc lĩnh vực văn hóa - nghệ thuật, quản lý giáo dục, công tác xã hội, chính trị học, ngữ văn.

8. Ngành đào tạo phù hợp với các chức danh công chức cấp xã căn cứ bằng tốt nghiệp theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, trường hợp cần thiết có thể đối chiếu nội dung, chương trình của ngành đào tạo.

9. Công chức cấp xã mới được tuyển dụng phải hoàn thành lớp đào tạo, bồi dưỡng quản lý hành chính nhà nước và lớp đào tạo, bồi dưỡng trung cấp lý luận chính trị.

Điều 16. Phương thức tuyển dụng công chức cấp xã

Việc tuyển dụng công chức cấp xã được thực hiện thông qua các phương thức như sau:

1. Đối với các chức danh Văn phòng - thống kê, Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường (đối với phường, thị trấn) hoặc Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường (đối với xã), Tài chính - kế toán, Tư pháp - hộ tịch, Văn hóa - xã hội:

a) Thực hiện việc tuyển dụng thông qua thi tuyển, trừ các trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này và khoản 2 Điều 5 Quy chế này;

b) Đối với các xã miền núi có thể thực hiện việc tuyển dụng thông qua xét tuyển.

2. Đối với chức danh Chỉ huy trưởng Quân sự cấp xã và Trưởng Công an xã:

a) Thực hiện việc xét tuyển và bổ nhiệm đối với người có đủ điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Quy chế này.

b) Việc bổ nhiệm Chỉ huy trưởng Quân sự cấp xã và Trưởng Công an xã thực hiện theo quy định của Luật Dân quân tự vệ và Pháp lệnh Công an xã

Điều 17. Thẩm quyền và Hội đồng thi tuyển công chức cấp xã

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thi tuyển công chức cấp xã.

2. Căn cứ số lượng người đăng ký dự tuyển, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thành lập Hội đồng thi tuyển theo Kế hoạch tuyển dụng công chức cấp xã hàng năm của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

3. Hội đồng thi tuyển thực hiện nhiệm vụ trong mỗi kỳ thi tuyển và tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ. Không được bố trí thành viên Hội đồng thi tuyển là người có quan hệ gia đình như cha, mẹ, anh, chị, em ruột (hoặc bên vợ, bên chồng) của người dự tuyển.

4. Thời gian thành lập Hội đồng thi tuyển: Khi hết hạn nhận hồ sơ của người đăng ký dự tuyển, chậm nhất 10 ngày trước ngày tổ chức thi tuyển, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thành lập Hội đồng thi tuyển để tổ chức tuyển dụng.

5. Trường hợp số lượng người đăng ký dự tuyển dưới 20 người thì không phải thành lập Hội đồng thi tuyển; Phòng Nội vụ cấp huyện báo cáo Sở Nội vụ, sau khi có ý kiến thống nhất của Sở Nội vụ, Phòng Nội vụ giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện việc tuyển dụng công chức cấp xã và vẫn phải thành lập các Ban giúp việc theo quy định tại khoản 7 Điều này.

6. Hội đồng tuyển dụng công chức cấp xã có 05 hoặc 07 thành viên, bao gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện;

b) Phó Chủ tịch Hội đồng là 01 lãnh đạo Phòng Nội vụ;

c) Ủy viên kiêm thư ký Hội đồng là công chức thuộc Phòng Nội vụ;

d) Các ủy viên khác là lãnh đạo một số cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện có liên quan.

7. Hội đồng tuyển dụng làm việc theo nguyên tắc tập thể, quyết định theo đa số. Trường hợp số ý kiến đồng ý và không đồng ý bằng nhau thì quyết định theo ý kiến của Chủ tịch Hội đồng tuyển dụng.

Hội đồng tuyển dụng có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

a) Thành lập Ban giúp việc như: Thành lập Ban đề thi, Ban coi thi, Ban phách, Ban chấm thi, Ban chấm phúc khảo, Ban kiểm tra sát hạch khi tổ chức thực hiện phỏng vấn tại vòng 2;

b) Tổ chức thu và sử dụng phí dự tuyển theo quy định;

c) Tổ chức thi; chấm thi viết hoặc phỏng vấn;

d) Chậm nhất là 10 ngày sau ngày tổ chức chấm thi xong, kể cả phỏng vấn (nếu có), Hội đồng tuyển dụng phải báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện để xem xét, quyết định phê duyệt kết quả thi tuyển.

đ) Giải quyết khiếu nại, tố cáo trong quá trình tổ chức thi tuyển.

8. Hội đồng thi tuyển được sử dụng con dấu của Ủy ban nhân dân cấp huyện, tài khoản của Ủy ban nhân dân cấp huyện trong các hoạt động của Hội đồng.

Mục 2.

TRÌNH TỰ TỔ CHỨC THI TUYỂN CÔNG CHỨC CẤP XÃ

Điều 18. Thông báo tuyển dụng, hồ sơ dự tuyển, thời gian tiếp nhận hồ sơ dự tuyển, lập danh sách người đủ điều kiện dự tuyển công chức cấp xã

1. Ủy ban nhân dân cấp huyện phải thông báo công khai ít nhất 01 lần trên phương tiện thông tin đại chúng, trên trang thông tin điện tử và niêm yết công khai tại trụ sở làm việc của Ủy ban nhân dân cấp huyện và trụ sở làm việc của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi tuyển dụng công chức về tiêu chuẩn, điều kiện, số lượng và chức danh công chức cần tuyển, thời hạn và địa điểm tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển của người đăng ký dự tuyển. Người đăng ký dự tuyển công chức phải nộp trực tiếp Phiếu đăng ký dự tuyển theo Mẫu ban hành kèm theo Nghị định này tại địa điểm tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển hoặc gửi theo đường bưu chính.

2. Hồ sơ dự tuyển:

a) Đơn đăng ký dự tuyển công chức cấp xã thực hiện theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 06/2012/TT-BNV của Bộ Nội vụ;

b) Bản sơ yếu lý lịch tự thuật có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền trong thời hạn 30 ngày, tính đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển;

c) Bản sao giấy khai sinh;

d) Bản chụp các văn bằng, chứng chỉ và kết quả học tập theo yêu cầu chức danh công chức dự tuyển quy định tại Điều 15 Quy chế này; trường hợp đã tốt nghiệp, nhưng cơ sở đào tạo chưa cấp bằng, thì nộp giấy chứng nhận tốt nghiệp do cơ quan có thẩm quyền cấp;

đ) Giấy chứng nhận sức khỏe do tổ chức y tế có thẩm quyền cấp trong thời hạn 30 ngày, tính đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển;

e) Giấy chứng nhận thuộc đối tượng ưu tiên trong tuyển dụng công chức cấp xã (nếu có) quy định tại khoản 5 Điều 4 Quy chế này được cơ quan có thẩm quyền chứng thực;

g) Hồ sơ dự tuyển của người trúng tuyển công chức cấp xã là hồ sơ trúng tuyển. Hồ sơ dự tuyển không phải trả lại cho người đăng ký dự tuyển và không sử dụng để thi tuyển, xét tuyển công chức cấp xã lần sau.

3. Thời hạn nhận Phiếu đăng ký dự tuyển của người đăng ký dự tuyển là 30 ngày sau ngày thông báo tuyển dụng công khai trên phương tiện thông tin đại chúng, trên trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp huyện và trụ sở làm việc của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi tuyển dụng.

4. Chậm nhất là 05 ngày làm việc trước ngày tổ chức thi tuyển hoặc xét tuyển, Ủy ban nhân dân cấp huyện phải lập danh sách người có đủ điều kiện dự tuyển và niêm yết công khai tại trụ sở làm việc của Ủy ban nhân dân cấp huyện và trụ sở làm việc của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi tuyển dụng và gửi thông báo tới người dự tuyển theo địa chỉ mà người dự tuyển đã đăng ký.

5. Trường hợp không thành lập Hội đồng tuyển dụng, Phòng Nội vụ xem xét, duyệt hồ sơ của người dự tuyển đảm bảo đúng điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định; tổng hợp danh sách những người đủ điều kiện dự tuyển trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt và niêm yết công khai tại trụ sở làm việc của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã ít nhất 07 ngày trước ngày tổ chức thi tuyển.

Điều 19. Các môn thi, hình thức thi, thời gian thi, cách tính điểm và xác định người trúng tuyển

Thi tuyển công chức cấp xã được thực hiện theo 2 vòng thi như sau:

1. Vòng 1: Thi trắc nghiệm được thực hiện bằng hình thức thi trên máy vi tính. Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp huyện không có điều kiện tổ chức thi trên máy vi tính thì thi trắc nghiệm trên giấy.

a) Nội dung thi trắc nghiệm gồm 2 phần:

Phần I: Kiến thức chung 60 câu hỏi về hệ thống chính trị, tổ chức bộ máy của Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội; quản lý hành chính nhà nước; chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Thời gian thi 60 phút;

Phần II: Tin học 30 câu hỏi về kiến thức cơ bản, kỹ năng ứng dụng tin học văn phòng vào nhiệm vụ chuyên môn. Thời gian thi 30 phút;

Trường hợp tổ chức thi trên máy vi tính thì nội dung thi trắc nghiệm không có phần thi tin học.

b) Miễn phần thi tin học (vòng 1) đối với các trường hợp có bằng tốt nghiệp từ trung cấp chuyên ngành công nghệ thông tin, tin học hoặc toán - tin trở lên;

c) Kết quả thi Vòng 1 được xác định theo số câu hỏi trả lời đúng cho từng phần thi quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, nếu trả lời đúng từ 50% số câu hỏi trở lên cho từng phần thi thì người dự tuyển được thi tiếp vòng 2 theo quy định tại khoản 2 Điều này;

d) Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thi vòng 1 trên máy vi tính thì phải thông báo kết quả cho người dự tuyển được biết ngay sau khi làm bài thi trên máy vi tính; không thực hiện việc phúc khảo đối với kết quả thi vòng 1 trên máy vi tính;

đ) Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thi vòng 1 trên giấy thì việc chấm thi thực hiện như sau:

- Chậm nhất là 15 ngày sau ngày kết thúc thi vòng 1 phải hoàn thành việc chấm thi vòng 1;

- Chậm nhất là 05 ngày làm việc sau ngày kết thúc việc chấm thi vòng 1 phải công bố kết quả điểm thi để người dự tuyển biết và thông báo việc nhận đơn phúc khảo trong thời hạn 15 ngày sau ngày thông báo kết quả điểm thi trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp huyện;

- Trường hợp có đơn phúc khảo thì chậm nhất là 15 ngày sau ngày hết thời hạn nhận đơn phúc khảo phải hoàn thành việc chấm phúc khảo và công bố kết quả chấm phúc khảo để người dự tuyển được biết;

- Căn cứ vào điều kiện thực tiễn trong quá trình tổ chức chấm thi, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện được quyết định kéo dài thời hạn thực hiện các công việc quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này nhưng không quá 15 ngày.

e) Chậm nhất là 05 ngày làm việc sau ngày kết thúc việc chấm thi vòng 1 theo quy định tại điểm d, điểm đ khoản 1 Điều này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phải thông báo triệu tập người dự tuyển đủ điều kiện dự thi vòng 2;

Chậm nhất là 15 ngày sau ngày thông báo triệu tập người dự tuyển được tham dự vòng 2 thì phải tổ chức thi vòng 2.

2. Vòng 2: Thi môn nghiệp vụ chuyên ngành

a) Nội dung thi: Kiến thức, năng lực, kỹ năng thực thi công vụ của người dự tuyển theo yêu cầu của chức danh công chức cần tuyển dụng.

Trong cùng một kỳ thi tuyển, nếu có các vị trí chức danh công chức yêu cầu chuyên môn, nghiệp vụ khác nhau thì Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức xây

dụng các đề thi môn nghiệp vụ chuyên ngành khác nhau, bảo đảm phù hợp với chức danh công chức cần tuyển dụng;

b) Hình thức thi: Thi phỏng vấn hoặc thi viết:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định hình thức thi phỏng vấn hoặc thi viết. Trường hợp vòng 2 được tổ chức bằng hình thức phỏng vấn thì không thực hiện việc phúc khảo;

c) Thời gian thi: Thi phỏng vấn 30 phút, thi viết 180 phút;

d) Thang điểm (thi phỏng vấn hoặc thi viết): 100 điểm.”

3. Kết quả thi tuyển là tổng số điểm của các bài thi môn kiến thức chung, môn nghiệp vụ chuyên ngành tính theo quy định tại khoản 1, Khoản 2 Điều này và cộng với điểm ưu tiên tại Khoản 4 Điều 9 Quy chế này.

4. Xác định người trúng tuyển

1. Người trúng tuyển trong kỳ thi tuyển công chức cấp xã phải có đủ các điều kiện sau:

a) Có kết quả điểm thi tại vòng 2 quy định tại khoản 2 Điều này Quy chế này đạt từ 50 điểm trở lên;

b) Có số điểm vòng 2 cộng với điểm ưu tiên quy định tại khoản 5 Điều 4 Quy chế này (nếu có) cao hơn lấy theo thứ tự từ cao xuống thấp trong phạm vi chỉ tiêu được tuyển dụng của từng chức danh công chức.

2. Trường hợp có từ 02 người trở lên có kết quả điểm thi vòng 2 quy định tại khoản 2 Điều này Quy chế này cộng với điểm ưu tiên quy định tại khoản 5 Điều 4 Quy chế này (nếu có) bằng nhau ở chỉ tiêu cuối cùng cần tuyển dụng thì người có kết quả điểm thi vòng 2 cao hơn là người trúng tuyển; nếu vẫn không xác định được thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định người trúng tuyển và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

3. Người không trúng tuyển trong kỳ thi tuyển công chức cấp xã không được bảo lưu kết quả thi tuyển cho các kỳ thi tuyển lần sau.”

Điều 20. Nhiệm vụ, quyền hạn của các thành viên Hội đồng thi tuyển trong kỳ thi tuyển công chức cấp xã

1. Chủ tịch Hội đồng thi tuyển:

a) Chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nhiệm vụ theo quy định, chỉ đạo tổ chức kỳ thi bảo đảm đúng nội quy, quy chế của kỳ thi;

b) Quyết định thành lập: Ban đề thi, Ban coi thi, Ban phách, Ban chấm thi, Ban phúc khảo;

c) Phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Hội đồng thi tuyển trong kỳ thi tuyển công chức cấp xã;

d) Tổ chức việc xây dựng đề thi, lựa chọn đề thi, bảo quản, lưu trữ các đề thi theo đúng quy định; bảo đảm bí mật đề thi theo chế độ tài liệu tuyệt mật;

đ) Tổ chức việc coi thi, quản lý bài thi, đánh số phách, rọc phách, quản lý phách và chấm thi theo quy định;

e) Báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định công nhận kết quả thi;

g) Giải quyết khiếu nại, tố cáo trong quá trình tổ chức thi.

2. Phó Chủ tịch Hội đồng thi tuyển:

a) Giúp Chủ tịch Hội đồng thi tuyển tổ chức thực hiện nhiệm vụ của Hội đồng thi tuyển công chức cấp xã và điều hành công việc theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng thi tuyển.

b) Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra quá trình coi thi, chấm thi.

c) Đề xuất danh sách và dự kiến phân công nhiệm vụ cho các Ủy viên Hội đồng tuyển dụng.

3. Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng tuyển dụng:

a) Chuẩn bị các văn bản, tài liệu cần thiết của Hội đồng tuyển dụng và ghi biên bản các cuộc họp của Hội đồng tuyển dụng.

b) Tổ chức và chuẩn bị các tài liệu để hướng dẫn cho thí sinh.

c) Tổ chức việc thu phí dự thi, quản lý chi tiêu và thanh quyết toán theo đúng quy định.

d) Nhận và kiểm tra niêm phong bài thi từ Trưởng ban Ban coi thi; bàn giao bài thi cho Trưởng ban Ban phách, nhận bài thi đã rọc phách và đánh số phách từ Trưởng ban Ban phách; bàn giao bài thi đã rọc phách cho Trưởng ban Ban chấm thi và thu bài thi đã có kết quả chấm thi từ Ban chấm thi theo đúng quy định.

đ) Tổng hợp, báo cáo kết quả thi với Hội đồng thi tuyển.

e) Nhận đơn phúc khảo và ghi rõ ngày nhận đơn phúc khảo theo dấu văn thư của cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng công chức chuyển đến, kịp thời báo cáo Chủ tịch Hội đồng thi tuyển để báo cáo người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng công chức xem xét, quyết định.

4. Các Ủy viên Hội đồng thi tuyển thực hiện nhiệm vụ cụ thể theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng thi tuyển để đảm bảo các hoạt động của Hội đồng thi tuyển thực hiện đúng quy định.

Mục 3

TRÌNH TỰ TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC CẤP XÃ

Điều 21. Trình tự thủ tục tuyển dụng

Trình tự thủ tục tuyển dụng công chức cấp xã thực hiện theo quy định tại Điều 18, Điều 19 và Điều 20 Quy chế này.

Điều 22. Công bố kết quả thi tuyển, thông báo kết quả tuyển dụng, quyết định tuyển dụng và nhận việc

~~Việc công bố kết quả thi tuyển, thông báo kết quả tuyển dụng thực hiện theo quy định tại Điều 13, Điều 14 Quy chế này.~~

Chương IV.

TẬP SỰ, CÔNG NHẬN ĐỐI VỚI NGƯỜI HOÀN THÀNH CHẾ ĐỘ TẬP SỰ

Điều 23. Chế độ đối với người tập sự

1. Người được tuyển dụng vào công chức cấp xã phải thực hiện chế độ tập sự để làm quen với môi trường công tác, tập làm những công việc của chức danh công chức được tuyển dụng.

2. Thời gian tập sự của công chức cấp xã được quy định như sau: 12 tháng đối với công chức được xếp lương ngạch chuyên viên, 06 tháng đối với công chức được xếp lương ngạch cán sự. Trong thời gian tập sự được hưởng 85% bậc lương khởi điểm theo trình độ đào tạo chuyên môn được tuyển dụng. Trường hợp có học vị thạc sĩ phù hợp với yêu cầu tuyển dụng thì được hưởng 85% lương bậc 2 của ngạch chuyên viên và tương đương; công chức cấp xã ở miền núi, thời gian tập sự được hưởng 100% bậc lương khởi điểm theo trình độ đào tạo. Thời gian tập sự không được tính vào thời gian để xét nâng bậc lương thường xuyên.

Trường hợp công chức nữ đang trong thời gian tập sự nhưng nghỉ thai sản thời gian nghỉ thai sản không tính vào thời gian tập sự.

3. Nội dung tập sự

a) Nắm vững quy định của Luật Cán bộ, công chức về quyền, nghĩa vụ của công chức, những việc công chức không được làm; nắm vững cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, nội quy, quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đang công tác và chức trách, nhiệm vụ của chức danh công chức được tuyển dụng;

b) Trau dồi kiến thức và kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của chức danh công chức được tuyển dụng;

c) Tập giải quyết, thực hiện các công việc của chức danh công chức được tuyển dụng.

4. Không thực hiện chế độ tập sự đối với:

a) Các trường hợp đã có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc bằng hoặc lớn hơn thời gian tập sự quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Chỉ huy trưởng Quân sự cấp xã và Trưởng Công an xã.

Điều 24. Hướng dẫn tập sự

Chậm nhất sau 07 ngày làm việc, kể từ ngày công chức đến nhận việc, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phải cử người cùng chuyên môn, nghiệp vụ hoặc người có năng lực và kinh nghiệm về chuyên môn, nghiệp vụ hướng dẫn người tập sự nắm vững và tập làm những công việc theo yêu cầu nội dung tập sự quy định tại khoản 3 Điều 23 Quy chế định này.

Điều 25. Chế độ, chính sách đối với người hướng dẫn tập sự

Người được phân công hướng dẫn tập sự được hưởng phụ cấp trách nhiệm bằng 0,3 so với mức lương tối thiểu chung trong thời gian hướng dẫn tập sự.

Điều 26. Công nhận đối với người hoàn thành chế độ tập sự

1. Khi hết thời gian tập sự, người tập sự phải báo cáo kết quả tập sự bằng văn bản; người hướng dẫn tập sự phải nhận xét, đánh giá kết quả tập sự đối với người tập sự bằng văn bản, gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã đánh giá phẩm chất chính trị, đạo đức và kết quả công việc của người tập sự. Trường hợp người tập sự đạt yêu cầu của chức danh công chức thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc người có thẩm quyền theo phân cấp quản lý công chức của địa phương ra quyết định công nhận hết thời gian tập sự và xếp lương cho công chức được tuyển dụng.

Điều 27. Tập sự và xếp lương đối với các trường hợp đặc biệt

1. Các trường hợp công chức được miễn thực hiện chế độ tập sự:

a) Người được tuyển dụng vào chức danh công chức cấp xã Văn phòng - thống kê, Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường (đối với phường, thị trấn) hoặc Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường (đối với xã), Tài chính - kế toán, Tư pháp - hộ tịch, Văn hoá - xã hội, được miễn thực hiện chế độ tập sự khi có đủ các điều kiện sau:

- Đã có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc bằng hoặc lớn hơn thời gian tập sự, thời gian tập sự và chế độ được hưởng trong thời gian tập sự thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 23 Quy chế này tương ứng với chức danh công chức cấp xã được tuyển dụng;

- Thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc quy định tại điểm a khoản này, người được tuyển dụng công chức cấp xã đã làm những công việc phù hợp với nhiệm vụ của chức danh công chức cấp xã được tuyển dụng.

b) Người được tuyển dụng công chức cấp xã nếu không đủ các điều kiện quy định tại điểm a khoản này thì phải thực hiện chế độ tập sự; thời gian người được tuyển dụng đã làm những công việc quy định tại điểm a khoản này (nếu có) được tính vào thời gian tập sự.

2. Việc xếp lương đối với các trường hợp đã có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc khi được tuyển dụng vào công chức cấp xã thực hiện theo quy định tại Điều 19 Thông tư số 06/2012/TT-BNV của Bộ Nội vụ. Chủ tịch UBND

cấp huyện phải đề xuất việc xếp lương cụ thể đối với từng trường hợp đã có thời gian công tác đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc khi được tuyển dụng vào công chức cấp xã và có văn bản (kèm theo bản sao sổ bảo hiểm xã hội được cơ quan có thẩm quyền xác nhận của từng trường hợp) đề nghị chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thống nhất ý kiến trước khi quyết định.

3. Các trường hợp đặc biệt trong tuyển dụng công chức cấp xã

a) Căn cứ điều kiện đăng ký dự tuyển công chức cấp xã và yêu cầu công việc, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện được xem xét, tiếp nhận không qua thi tuyển đối với các trường hợp đặc biệt sau:

- Người tốt nghiệp đại học loại giỏi trở lên ở trong nước và đạt loại khá trở lên ở nước ngoài có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với chức danh công chức cần tuyển dụng;

- Người có trình độ đào tạo từ đại học trở lên, có ít nhất 05 năm công tác (không kể thời gian tập sự, thử việc) trong ngành, lĩnh vực cần tuyển, đáp ứng được ngay yêu cầu của chức danh công chức cấp xã cần tuyển dụng.

b) Hồ sơ đề nghị Chủ tịch UBND cấp tỉnh thống nhất ý kiến đối với các trường hợp tiếp nhận không qua thi tuyển, cụ thể:

- Công văn đề nghị do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ký, trong đó nêu rõ số lượng và chức danh công chức cấp xã cần tuyển dụng tương ứng với từng trường hợp đề nghị tiếp nhận không qua thi tuyển trong phạm vi chỉ tiêu biên chế công chức cấp xã đã được quy định; nơi dự kiến bố trí công chức cấp xã sau khi được tuyển dụng; dự kiến xếp lương đối với trường hợp đã có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc theo hướng dẫn tại Điều 19 Thông tư số 06/2012/TT-BNV của Bộ Nội vụ.

- Biên bản, kết quả họp Hội đồng kiểm tra, sát hạch đối với trường hợp phải qua kiểm tra, sát hạch. Đối với trường hợp không phải kiểm tra, sát hạch Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện không phải thành lập Hội đồng kiểm tra, sát hạch đối với các trường hợp được xem xét tiếp nhận vào công chức cấp xã không qua thi tuyển. Trường hợp người có trình độ đào tạo từ đại học trở lên, có ít nhất 05 năm công tác (không kể thời gian tập sự, thử việc) trong ngành, lĩnh vực cần tuyển, đáp ứng được ngay yêu cầu của chức danh công chức cấp xã cần tuyển dụng được xem xét tiếp nhận vào công chức cấp xã không qua thi tuyển, nếu có đủ các điều kiện, tiêu chuẩn sau:

- + Bảo đảm các điều kiện đăng ký dự tuyển công chức cấp xã quy định tại Điều 4, Điều 5 Quy chế này;

- + Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên; hiện đang công tác trong ngành, lĩnh vực cần tuyển; có thời gian từ đủ 60 tháng trở lên làm công việc phù hợp với yêu cầu của chức danh công chức cấp xã cần tuyển dụng (không kể thời gian làm việc theo chế độ hợp đồng lao động ở cấp xã, thời gian tập sự, thử việc; nếu có thời gian công tác không liên tục thì được cộng dồn); trong thời gian công tác 05 năm gần

nhất không vi phạm pháp luật đến mức bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đáp ứng được ngay yêu cầu của chức danh công chức cấp xã cần tuyển dụng.

+ Cán bộ cấp xã thôi đảm nhiệm chức vụ mà có đủ các tiêu chuẩn và đáp ứng được ngay các nhiệm vụ của chức danh công chức cấp xã cần tuyển dụng phải có văn bản đề nghị tiếp nhận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có nhu cầu tiếp nhận đối với công chức cấp xã không qua thi tuyển.

c) Hồ sơ của người được đề nghị tiếp nhận vào công chức cấp xã không qua thi tuyển, bao gồm:

- Bản sơ yếu lý lịch tự thuật có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền trong thời hạn 30 ngày, tính đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển đối với trường hợp tiếp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Quy chế này; bản sơ yếu lý lịch theo mẫu số 2c ban hành kèm theo Quyết định số 02/2008/QĐ-BNV ngày 06 tháng 10 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành mẫu biểu quản lý hồ sơ cán bộ, công chức có xác nhận của cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi người đó công tác trong thời hạn 30 ngày, tính đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển đối với trường hợp tiếp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Quy chế này;

- Bản sao giấy khai sinh;

- Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh công chức cấp xã dự tuyển, được cơ quan có thẩm quyền chứng thực;

- Bản sao kết quả học tập theo yêu cầu của chức danh công chức cấp xã dự tuyển đối với trường hợp tiếp nhận, được cơ quan có thẩm quyền chứng thực;

- Giấy chứng nhận sức khỏe do tổ chức y tế có thẩm quyền cấp trong thời hạn 30 ngày, tính đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển;

- Phiếu lý lịch tư pháp do Sở Tư pháp nơi thường trú cấp trong thời hạn 30 ngày, tính đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển. Đối với trường hợp không phải kiểm tra, sát hạch khi tiếp nhận vào công chức cấp xã không qua thi tuyển quy định tại khoản 3 Điều 8 Quy chế này.

- Bản tự nhận xét, đánh giá của người được đề nghị tiếp nhận về phẩm chất chính trị, phẩm chất đạo đức, trình độ và năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, quá trình công tác và các hình thức khen thưởng đã đạt được, có nhận xét và xác nhận của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi người đó công tác đối với trường hợp tiếp nhận quy định tại khoản 2 Điều 7 Quy chế này.

4. Điều kiện, tiêu chuẩn tiếp nhận vào công chức cấp xã không qua thi tuyển

a) Điều kiện, tiêu chuẩn tiếp nhận vào công chức cấp xã không qua thi tuyển thực hiện theo quy định tại Điều 7 Quy chế này.

Trường hợp cán bộ chuyên trách cấp xã thôi đảm nhiệm chức vụ mà có đủ các điều kiện, tiêu chuẩn và đáp ứng được ngay các nhiệm vụ tương ứng với từng chức danh công chức cấp xã theo quy định tại Mục 3 chương III và chương IV Quy chế

này thì được xem xét, tiếp nhận vào công chức cấp xã không qua thi tuyển. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phải có văn bản xin ý kiến chấp thuận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tuyển dụng và đề xuất việc xếp lương cụ thể đối với từng trường hợp đã có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc trước khi ban hành quyết định tiếp nhận vào công chức cấp xã không qua thi tuyển.

b) Đối với các trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 8 Quy chế này thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định tiếp nhận vào công chức cấp xã không qua thi tuyển và chịu trách nhiệm về quyết định của mình và sau đó có văn bản báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

5. Quy trình tiếp nhận công chức cấp xã không qua thi tuyển được thực hiện theo đúng quy định tại Điều 8 Quy chế này.

Điều 28. Hủy bỏ quyết định tuyển dụng đối với người tập sự

1. Quyết định tuyển dụng bị hủy bỏ trong trường hợp người tập sự không đáp ứng được yêu cầu của chức danh công chức tập sự hoặc bị xử lý kỷ luật từ khiến trách trở lên trong thời gian tập sự.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc người có thẩm quyền theo phân cấp quản lý công chức của địa phương ra quyết định hủy bỏ quyết định tuyển dụng đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Người tập sự bị hủy bỏ quyết định tuyển dụng được Ủy ban nhân dân cấp xã trợ cấp 01 tháng lương, phụ cấp hiện hưởng (nếu có) và tiền tàu xe về nơi cư trú.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 29. Áp dụng văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành

Việc thực hiện các quy định về tổ chức tuyển dụng công chức cấp xã tại Quy chế này phải đảm bảo phù hợp với các quy định pháp luật chuyên ngành có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành được sửa đổi, bổ sung có thay đổi thì áp dụng theo các quy định của văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành.

Điều 30. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã

1. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Chỉ đạo, hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã lập kế hoạch tuyển dụng công chức cấp xã gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện; phê duyệt kế hoạch tuyển dụng công chức cấp xã của địa phương, bảo đảm đúng cơ cấu, vị trí việc làm, tiêu chuẩn, trình độ của từng chức danh công chức cấp xã tuyển dụng theo đúng quy định;

b) Thành lập Hội đồng tuyển dụng công chức cấp xã; Thành lập Ban/Tổ Tiếp nhận hồ sơ đăng ký dự thi công chức cấp xã;

c) Tổ chức tuyển dụng công chức cấp xã theo quy định tại Quy chế này và pháp luật hiện hành;

d) Quyết định công nhận kết quả thi tuyển, xét tuyển theo quy định hiện hành; Thông báo kết quả tuyển dụng; Quyết định tuyển dụng; Quyết định xếp lương công chức cấp xã.

2. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã:

a) Thực hiện việc tuyển dụng công chức cấp xã theo quy định tại Quy chế này;

b) Xây dựng kế hoạch tuyển dụng công chức cấp xã gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt;

c) Bố trí người hướng dẫn tập sự đối với người trúng tuyển kỳ thi công chức cấp xã; theo dõi, đánh giá quá trình tập sự của công chức cấp xã.

Điều 31. Trách nhiệm của Sở Nội vụ

1. Giao Sở Nội vụ có trách nhiệm phối hợp các cơ quan, đơn vị có liên quan hướng dẫn, theo dõi, thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy chế này.

2. Trường hợp cần thiết nhằm nâng cao chất lượng công chức cấp xã, Sở Nội vụ chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan chuẩn bị nội dung ôn tập kiến thức chung, nghiệp vụ chuyên ngành, tin học; là đầu mối phối hợp giữa Ủy ban nhân dân cấp huyện, các Sở - ngành và cơ quan có liên quan ra đề thi, đáp án các môn thi theo quy định hiện hành, theo đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Điều 32. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị có liên quan

Các cơ quan, đơn vị: Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính, Sở Tài nguyên - Môi trường, Sở Xây dựng, Sở Tư pháp, Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Du lịch, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Giao thông vận tải, Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan, đơn vị có liên quan có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện, Sở Nội vụ tham gia chuẩn bị đề thi, đáp án thi, nội dung ôn tập các môn thi, xây dựng đề thi, đáp án thi; nội dung ôn tập đề sát hạch, xây dựng đề phỏng vấn, đáp án phỏng vấn và các công tác khác trong tổ chức tuyển dụng.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố thông qua Sở Nội vụ, để tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Đinh Quốc Thái